

## CHƯƠNG I

1/Đối tượng nghiên cứu của thống kê học là môn khoa học kỹ thuật nghiên cứu mặt lượng của các hiện tượng và quá trình kinh tế trong một điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

Trả lời: Sai

Đối tượng nghiên cứu của thống kê học là môn khoa học kỹ thuật ( Là môn khoa học xã hội ) nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất( ko chỉ nghiên cứu mặt lượng) của các hiện tượng quá trình kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện lịch sử cụ thể.

2/Đối tượng của thống kê học chỉ là các hiện tượng về quá trình tái sản xuất xã hội.

Trả lời: Sai

Đối tượng của thống kê học bao gồm: các hiện tượng quá trình về dân số, về quá trình tái sản xuất xã hội mở rộng, về đời sống vật chất và tinh thần, về chính trị xã hội.

3/ Đối tượng của thống kê học là các hiện tượng về quá trình tái sản xuất xã hội.

Trả lời: sai

Đối tượng của thống kê học bao gồm: các hiện tượng quá trình về dân số, về quá trình tái sản xuất xã hội mở rộng, về đời sống vật chất và tinh thần, về chính trị xã hội.

Vì vậy các hiện tượng về quá trình tái sản xuất xã hội là một trong những đối tượng của thống kê học

4/Nhận định rằng: “ Học Viện Ngân Hàng là một tổng thể thống kê”  
Trả lời: Chưa chắc chắn

Nếu xét trên phạm vi cá biệt chỉ mình HVNH nó bao gồm các phòng ban, giảng viên, sinh viên thì nó là một tổng thể thống kê. Nếu xét trên phạm vi rộng hơn là các bộ ngành của toàn nền kinh tế xã hội bao gồm: kinh tế, giáo dục, thì HVNH cũng chỉ là một bộ phận cá biệt nhỏ lẻ, không phải là một tổng thể thống kê.

*Nên trả lời như sau: nếu chỉ xét riêng hvnh thì hvnh là tổng thể tk, nhưng nếu xét trên 1 phạm vi rộng lớn hơn như các trường đại học ở hà nội thì hvnh chỉ là 1 đơn vị tổng thể*

5/Tiêu thức thống kê là một bộ phận của tổng thể thống kê.

Trả lời: Sai

Tổng thể thống kê là hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gồm những đơn vị cá biệt cần được quan sát, phân tích mặt lượng của chúng.

Tiêu thức thống kê: các đặc điểm của đơn vị tổng thể mà thống kê chọn để nghiên cứu gọi là tiêu thức thống kê.

Một tổng thể thống kê gồm nhiều đơn vị thống kê, một đơn vị thống kê lại có nhiều đặc điểm, nhưng đặc điểm này không phải là một bộ phận thống kê mà nó chỉ có tính chất miêu tả đơn vị tổng thể.

6/Dân số của Việt Nam vào 0h ngày 1/7/2009 là khoảng 76 triệu người là một chỉ tiêu thống kê.

Trả lời: Chưa chắc chắn

Chỉ tiêu thống kê là các mức độ phản ánh lượng gần với chất của các mặt và các tính chất cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể

Xét trong toàn bộ nền kinh tế thì đó chỉ là một tiêu thức thống kê. nhưng để đánh giá tính chất của hiện tượng kinh tế xã hội còn có thu nhập bình quân, tuổi thọ...

*Trả lời lại: nếu xét riêng nước vn thì vn là 1 tổng thể, dân số vn vào 0h ngày 1/7/2009 là 1 chỉ tiêu tk, nhưng nếu xét trên 1 phạm vi rộng lớn hơn như châu á thì vn chỉ là 1 đơn vị tổng thể, và dân số vn vào...là 1 tiêu thức với lượng biến là 76 tr người*

7/Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê là nêu ra những chỉ tiêu thống kê để phân tích.

Trả lời: Sai

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê không chỉ là nêu ra những chỉ tiêu thống kê để phân tích mà còn phải đảm bảo có thể thu thập được thông tin để tính toán được chúng, muốn vậy phải xây dựng hệ thống chỉ tiêu dựa trên

những căn cứ: mục đích nghiên cứu; tính chất, đặc điểm của đối tượng nghiên cứu; khả năng nhân tài, vật lực cho phép.

8/Yêu cầu của điều tra thống kê chỉ là đầy đủ về nội dung và số lượng đơn vị điều tra.

Trả lời: Sai

Yêu cầu của điều tra thống kê là đầy đủ, chính xác, kịp thời. Vì vậy khẳng định trên là sai

9/ Yêu cầu của điều tra thống kê là đầy đủ về nội dung và số lượng đơn vị điều tra.

Trả lời: *sai > sai vì thiếu*

Yêu cầu của điều tra thống kê bao gồm: đầy đủ về nội dung và số lượng đơn vị điều tra, chính xác, kịp thời, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và tiết kiệm.

## CHƯƠNG II

10/Nhiệm vụ của phân tổ thống kê là phân chia các loại hình kinh tế xã hội và biểu hiện mối liên hệ giữa các tiêu thức của tổng thể nghiên cứu.

Trả lời: Chưa đủ -> sai vì chưa đủ

Nhiệm vụ của phân tổ thống kê bao gồm:

Phân chia các loại hình kinh tế xã hội của hiện tượng nghiên cứu  
Biểu hiện kết cấu của hiện tượng nghiên cứu  
Biểu hiện mối liên hệ giữa các tiêu thức

11/Khi phân tổ theo tiêu thức thuộc tính. Cứ mỗi biểu hiện của tiêu thức luôn luôn hình thành một tổ.

Trả lời: Chưa chắc chắn -> sai

Nếu trường hợp nghiên cứu ít biểu hiện thì có thể cho một biểu hiện thành một tổ

Nếu trường hợp nghiên cứu có nhiều biểu hiện thì ta phải ghép nhiều tiêu thức tương đồng( cùng khối ngành, khối dịch vụ) lại thành một tổ.

12/Khi dùng phân tổ theo tiêu thức số lượng luôn luôn dùng phân tổ có khoảng cách tổ.

Trả lời: sai. Nếu lượng biến thiên ít thì mỗi giá trị của lượng biến là 1 tổ, như vậy trường hợp này không dùng phân tổ có khoảng cách.

13/Tần số thu được sau khi phân tổ biểu hiện bằng một số tuyệt đối.

Trả lời: Đúng

Tần số là số lần xuất hiện của các lượng biến nên luôn luôn là một số tuyệt đối.

14/Phân tổ thống kê có thể vừa nghiên cứu mối quan hệ giữa tiêu thức nguyên nhân và tiêu thức kết quả, vừa nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và 1 tiêu thức kết quả

Trả lời: Chưa đủ

Phân tổ thống kê ngoài nghiên cứu mối quan hệ giữa tiêu thức nguyên nhân và tiêu thức kết quả, nghiên cứu mối quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và 1 tiêu thức kết quả. Nó còn nghiên cứu quan hệ giữa nhiều tiêu thức nguyên nhân và nhiều tiêu thức kết quả.

### CHƯƠNG III

15/Không thể cộng các số tuyệt đối liên nhau để có số tuyệt đối của thời kỳ dài hơn.

Trả lời: Sai

Tại vì: bản chất của số tuyệt đối thời kỳ là sự tích lũy mặt lượng của hiện tượng theo thời gian. Vì vậy có thể cộng dồn các số tuyệt đối thời kỳ cùng một tiêu đề có trị số của thời kỳ dài hơn.

16/ Không thể cộng các số tuyệt đối thời điểm lại với nhau được.

Trả lời: Đúng

Nếu như cộng thì sẽ xảy ra hiện tượng trùng lặp,qui mô sau lặp lại qui mô trước.

17/ Có thể dùng số tuyệt đối để so sánh hai hiện tượng cùng loại nhưng khác nhau về qui mô.

Trả lời: Sai

Số tuyệt đối không có tính chất so sánh, Số tuyệt đối biểu hiện qui mô, khối lượng, mức độ của hiện tượng.

Vì vậy kết luận trên là sai

18/ Số tương đối trong thống kê biểu hiện quan hệ tích số giữa hai mức độ nào đó của hiện tượng nghiên cứu.

Trả lời: Chưa đủ

Số tương đối trong thống kê tùy vào hiện tượng nghiên cứu đang tính toán mà nó biểu hiện quan hệ tích số và thương số.

$$t = \frac{y_1}{y_0} = \text{KTK.KNK} \quad (t \text{ là số tương đối động thái})$$

19/Chỉ có số tương đối động thái mới cần phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được giữa các mức độ.

Trả lời: Sai

Tất cả các số tương đối đều cần phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được giữa các mức độ.

Vì vậy ngoài số tương đối động thái còn có các số tương đối kế hoạch, số tương đối kết cấu, số tương đối cường độ, số tương đối không gian.

20/ Số tương đối nhiệm vụ kế hoạch là tỷ lệ so sánh giữa mức độ thực tế ở kỳ gốc với mức độ cần đạt tới của một chỉ tiêu nào đó.

Trả lời: Sai

Số tương đối nhiệm vụ kế hoạch:  $KNK = YKH/Y_0$  (KNK – là số tương đối nhiệm vụ kế hoạch; YKH – là mức độ kỳ kế hoạch;  $Y_0$  – là mức độ kỳ gốc) Nó là tỷ lệ so sánh giữa mức độ cần đạt tới của chỉ tiêu nào đó trong kỳ kế hoạch với mức độ thực tế đã đạt được của chỉ tiêu ấy ở kỳ gốc.

21/ Số tương đối động thái là tỷ lệ so sánh giữa mức độ thực tế đạt được với mức độ kế hoạch đặt ra cùng kỳ của hiện tượng.



Trả lời: Sai

Định nghĩa trên là của số tương đối thực hiện kế hoạch. Số tương đối động thái:  $t = y_1/y_0$  (t: là số tương đối động thái;  $y_1$ - là mức độ kỳ gốc;  $y_0$ - là mức độ kỳ nghiên cứu) Nó là tỷ lệ so sánh hai mức độ cùng loại của hiện tượng ở hai thời kỳ (hay thời điểm) khác nhau, được biểu hiện bằng số lần hay số phần trăm.

22/ Số tương đối kết cấu là kết quả so sánh trị số tuyệt đối của cả tổng thể với trị số tuyệt đối của từng bộ phận.

Trả lời: Sai

Số tương đối kết cấu là kết quả so sánh trị số tuyệt đối của từng bộ phận ( $y_{bp}$ ) với trị số tuyệt đối của cả tổng thể ( $y_{tt}$ ). Nó thường được xá định bằng số phần trăm.

$$d = (y_{bp} / y_{tt}).100\%$$

23/ Số tương đối không gian biểu hiện quan hệ so sánh giữa hiện tượng khác loại và khác nhau về không gian.

Trả lời: Sai

Số tương đối không gian biểu hiện quan hệ so sánh giữa hiện tượng cùng loại nhưng khác nhau về không gian hoặc biểu hiện sự so sánh giữa các bộ phận trong cùng một tổng thể.

25/ Số tương đối cường độ là một dạng của số bình quân.

Trả lời: Đúng

Số bình quân trong thống kê biểu hiện mức độ đại biểu theo một tiêu thức nào đó của hiện tượng bao gồm nhiều đơn vị cùng loại.

Số tương đối cường độ biểu hiện trình độ phổ biến của hiện tượng trong điều kiện lịch sử nhất định, nó cho biết mức độ đại biểu của hiện tượng. vì vậy số tương đối cường độ là một dạng của số bình quân.

26/ Số bình quân trong thống kê biểu hiện mức độ đại biểu theo một tiêu thức nào đó của hiện tượng kinh tế xã hội.

Trả lời: Chưa chắc chắn

Nếu trong trường hợp nghiên cứu hiện tượng cùng loại thì số bình quân biểu hiện mức độ đại biểu theo một tiêu thức nào đó của hiện tượng kinh tế xã hội.

Nếu trong trường hợp khác loại thì số bình quân không thể tính toán được.

27/ Trong công thức tính số bình quân điều hòa:  $\bar{x} = \frac{\sum d_i}{\sum \frac{d_i}{x_i}}$

Thì  $\sum d_i$  là tổng lượng biến tiêu thức.

Trả lời: Sai

$d_i$  là tần suất

$\sum d_i = 1$  hoặc 100%

$$\sum \text{lượng biến tiêu thức} = \sum x_i$$

28/ Số bình quân cộng và số bình quân điều hòa giống nhau ở chỗ đều thuộc số bình quân nhóm 1, tức là nhóm các lượng biến tiêu thức có mối quan hệ tổng số với nhau và có cùng phương trình kinh tế.

Trả lời: Đúng

Số bình quân cộng và số bình quân điều hòa đều thuộc số bình quân nhóm 1, tức là nhóm các lượng biến tiêu thức có mối quan hệ tổng số với nhau và có cùng phương trình kinh tế là

$$\bar{x} = \frac{\text{Tổng lượng biến}}{\text{Tổng lượng tổng thể (số đơn vị tổng thể)}}$$

29/ Số bình quân cộng giản đơn là một dạng của số bình quân cộng gia quyền.

Trả lời: Đúng

Xuất phát từ phương trình kinh tế gốc:

$$\bar{x} = \frac{\text{Tổng lượng biến}}{\text{Tổng lượng tổng thể (số đơn vị tổng thể)}}$$

Nếu số lần xuất hiện của lượng biến là 0, 1  $\rightarrow$  số bình quân cộng giản đơn

Nếu số lần xuất hiện của lượng biến  $\neq 0, 1 \rightarrow$  số bình quân cộng gia quyền

30/ Việc xác định tổ có chứa một luôn căn cứ vào tần số các tổ chứa một.

Trả lời: Chưa chắc chắn

Nếu trong trường hợp có khoảng cách đều nhau thì việc định tổ có chứa một luôn căn cứ vào tần số các tổ chứa một.

Nếu trong trường hợp xét tổ có khoảng cách tổ không đều nhau thì việc định tổ có chứa một luôn căn cứ vào tần số các tổ chứa một phải căn cứ vào mật độ phân phối.

31/ Số trung vị không san bằng bù trừ chênh lệch giữa các lượng biến.

Trả lời: Đúng

Số trung vị là giá trị của lượng biến tiêu thức của đơn vị đứng ở vị trí chính giữa trong dãy số lượng biến, nó biểu hiện mức độ đại biểu của hiện tượng mà không san bằng mọi chênh lệch giữa các lượng biến

32/ Độ lệch chuẩn là chỉ tiêu hoàn thiện nhất và thường dùng nhất trong phân tích thống kê cũng như những lĩnh vực khác.

Trả lời: Đúng

Ta xét các chỉ tiêu đánh giá sự biến thiên tiêu thức

- Chỉ tiêu khoảng biến thiên có nhược điểm là chỉ phụ thuộc vào lượng biến lớn nhất và lượng biến nhỏ nhất trong dãy số, không xét đến các lượng biến khác, cho nên nhiều khi dẫn đến những nhận xét chưa hoàn toàn chính xác.
- Chỉ tiêu độ lệch tuyệt đối bình quân có nhược điểm là chỉ xét tới trị số tuyệt đối của độ lệch, bỏ qua sự khác nhau thực tế về dấu (+, -) của độ lệch.

- Chỉ tiêu phương sai có nhược điểm trị số bị phóng đại, đơn vị tính toán không phù hợp với thực tế.

Không nhận thấy nhược điểm từ độ lệch chuẩn vì vậy mà độ lệch chuẩn là chỉ tiêu hoàn thiện nhất và thường dùng nhất trong phân tích thống kê cũng như những lĩnh vực khác.

33/ Hệ số biến thiên không cho phép so sánh sự biến thiên của hai lượng biến khác loại trong khi các chỉ tiêu đo độ biến thiên khác cho phép làm điều đó.

Trả lời: Sai

Hệ số biến thiên cho phép so sánh sự biến thiên của hai lượng biến khác loại để xem tổng thể nào đồng đều hơn.

34/ Chỉ có số bình quân cộng được dùng để tính số bình quân của những lượng biến có quan hệ tổng.

Trả lời: Sai

Nhận định trên chỉ xét đến một số bình quân cộng được dùng để tính số bình quân của những lượng biến có quan hệ tổng, thực ra chúng ta có thể dùng hai loại số bình quân cộng và số bình quân điều hòa để tính số bình quân của những lượng biến có quan hệ tổng. Cả hai loại số bình quân này được tính bằng phương trình kinh tế:

## Chương 4: Dãy số thời gian

Câu 1: Đối với dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian bằng nhau, mức độ bình quân theo thời gian chính là mức độ bình quân của từng nhóm 2 mức độ kế tiếp nhau.

Đáp án: Đúng.

$$\text{Vi: } \bar{y} = \frac{\frac{y_1 + y_2}{2} + \frac{y_2 + y_3}{2}}{2-1} = \frac{y_1 + y_3}{2}$$

$$\bar{y} = \frac{y_3 + y_4}{2}$$

...

$$\bar{y} = \frac{y_n + y_{n-1}}{2}$$

$$\rightarrow \bar{y} = \frac{\frac{y_1 + y_2}{2} + \frac{y_2 + y_3}{2} + \dots + \frac{y_{n-1} + y_n}{2}}{n-1}$$

Câu 2: Đối với dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian không bằng nhau, mức độ bình quân theo thời gian chính là mức độ bình quân của từng nhóm 2 mức độ kế tiếp nhau.

Đáp án: Sai.

Vì: Đối với dãy số thời điểm có khoảng cách thời gian không bằng nhau, mức độ bình quân theo thời gian:  $\bar{y} = \frac{\sum t_i y_i}{\sum t_i} \quad (i = \overline{1, n})$

Câu 3: Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối định gốc là chênh lệch giữa các mức độ kỳ nghiên cứu và kỳ đứng liền trước nó.

Đáp án: Sai.

Vì: Lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối định gốc là chênh lệch giữa mức độ kỳ nghiên cứu ( $y_i$ ) với mức độ của một kỳ được chọn làm gốc cố định – thường là mức độ đầu tiên ( $y_1$ ).

Công thức tính:  $\Delta_i = y_i - y_1 \ (i = \overline{2, n})$

Câu 4: Nghiên cứu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu lượng tăng (hoặc giảm) chính là sự vận dụng kết hợp số tương đối và tuyệt đối.

Đáp án: Sai.

Vì: Tính lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối chính là tính chênh lệch giữa hai mức độ trong một dãy số, nên không thể dùng số tương đối.

Câu 5: Hai chỉ tiêu tốc độ tăng (hoặc giảm) và giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm) chính là sự vận dụng kết hợp số tương đối và tuyệt đối.

Đáp án: Đúng.

Vì:  $+ \text{tốc độ tăng (hoặc giảm)} = \frac{\text{lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối}}{\text{mức độ kỳ gốc}} \frac{-\text{Số tuyệt đối}}{-\text{Số tuyệt đối}}$

➔ Không vận dụng số tương đối.

+ Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm):

$$g_i = \frac{\delta_i}{a_i} \frac{-\text{Số tuyệt đối}}{-\text{Số tương đối}}$$

Câu 6: Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm) liên hoàn là một số không đổi.

Đáp án: Sai.

Vì: Tốc độ tăng (hoặc giảm) liên hoàn có n-1 giá trị.

$$g_i = \frac{\delta_i}{a_i} = \frac{y_i - y_{(i-1)}}{\frac{y_i - y_{(i-1)}}{y_{(i-1)}}} = y_{(i-1)}$$

→  $y_i$  có nhiều giá trị ;  $g_i$  phụ thuộc  $y_{(i-1)} \rightarrow$  nhiều giá trị.

Câu 7: Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm) định gốc là một số không đổi.

Đáp án: Đúng.

$$\text{Vì: } G_i = \frac{\Delta_i}{A_i} = \frac{y_i - y_1}{\frac{y_i - y_1}{y_1}} = y_1$$

→ Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm) định gốc là một giá trị duy nhất.

Câu 8: Giá trị tuyệt đối của 1% tăng (hoặc giảm) định gốc bằng tổng các giá trị của 1% tăng (hoặc giảm) liên hoàn.

Đáp án: Sai.

$$\text{Vì: } + G_i = \frac{\Delta_i}{A_i} = \frac{\Delta_i}{\frac{\Delta_i}{y_1}} = y_1$$



$$+ g_i = \frac{\delta_i}{a_i} = \frac{y_i - y_{(i-1)}}{\frac{y_i - y_{(i-1)}}{y_{(i-1)}}} = y_{(i-1)}$$

$$\rightarrow \sum g_i = \sum y_{(i-1)} \neq y_1 = G_i$$

Câu 9: Tốc độ phát triển là chỉ tiêu tương đối nói lên nhịp điệu tăng (hoặc giảm) của hiện tượng qua một thời kỳ nhất định.

Đáp án: Sai.

Vì: Tốc độ phát triển là chỉ tiêu tương đối vì nó biểu hiện quan hệ so sánh. Nhưng nó không nói lên nhịp điệu tăng (hoặc giảm), mà chỉ phản ánh sự phát triển của hiện tượng. Để nói lên tốc độ tăng (hoặc giảm) ta phải dùng tốc độ tăng (hoặc giảm).

Câu 10: Dự đoán dựa trên lượng tăng (hoặc giảm) tuyệt đối bình quân chỉ nên thực hiện với dãy số thời gian có các mức độ cùng tăng (hoặc giảm) với một lượng tuyệt đối gần như nhau.

Đáp án: Đúng.

Vì: Dãy số thời gian có các mức độ cùng tăng (hoặc giảm) với một lượng tuyệt đối gần như nhau – chênh lệch không nhiều, đồng đều, đáng tin cậy.

Câu 11: Phương pháp dự đoán dựa trên tốc độ phát triển bình quân chỉ nên thực hiện với dãy số thời gian có các mức độ tăng (hoặc giảm) với một lượng tuyệt đối gần như nhau.

Đáp án: Sai.

Vì: Phương pháp dự đoán dựa trên tốc độ phát triển bình quân chỉ nên thực hiện với dãy số thời gian có các mức độ tốc độ phát triển với một lượng tuyệt đối gần như nhau → đáng tin cậy.

## Chương 5: Chỉ số

Câu 1: Chỉ số là số tương đối. Vì vậy tất cả các số tương đối đều là chỉ số.

Đáp án: Sai.

Vì: + Số tương đối động thái: hình thành chỉ số phát triển: cùng loại, cùng không gian, khác thời gian.

+ Số tương đối không gian: hình thành chỉ số không gian.

+ Số tương đối kế hoạch: hình thành chỉ số kế hoạch.

+ Số tương đối kết cấu: phản ánh tỷ trọng từng bộ phận trong tổng thể -> không hình thành chỉ số tương ứng.

+ Số tương đối cường độ: biểu hiện khác loại, cùng mức độ -> không hình thành chỉ số.

Câu 2: Đặc điểm của phương pháp chỉ số là khi có nhiều nhân tố cùng tham gia tính toán, một số nhân tố được cố định, một số nhân tố còn lại thay đổi.

Đáp án: Sai.

Vì: Đặc điểm của phương pháp chỉ số là khi có nhiều nhân tố cùng tham gia tính toán, chỉ có một nhân tố thay đổi, các nhân tố còn lại cố định.

Câu 3: Tác dụng của phương pháp chỉ số là biểu hiện biến động của hiện tượng kinh tế xã hội qua các địa điểm khác nhau.

Đáp án: Chưa đủ.

Vì: Phương pháp chỉ số có 4 tác dụng là:

- + Biểu hiện biến động của hiện tượng qua thời gian (cùng không gian).
- + Biểu hiện biến động của hiện tượng qua những điều kiện không gian khác nhau (cùng thời gian).
- + Biểu hiện các nhiệm vụ kế hoạch hoặc tình hình thực hiện kế hoạch về các chỉ tiêu kinh tế.
- + Phân tích vai trò và ảnh hưởng của từng nhân tố đối với biến động của toàn bộ hiện tượng kinh tế phức tạp.

Câu 4: Chỉ số phát triển biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện thời gian, không gian khác nhau.

Đáp án: Sai.

Vì: Chỉ số phát triển biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện cùng loại, cùng không gian, khác thời gian.

Câu 5: Chỉ số không gian biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện thời gian, không gian khác nhau.

Đáp án: Sai.

Vì: Chỉ số không gian biểu hiện biến động của hiện tượng trong điều kiện cùng loại, cùng thời gian, khác không gian.

Câu 6: Phương pháp chỉ số là phương pháp mang tính chất tổng hợp, không mang tính chất phân tích.

Đáp án: Sai.

Vì: Tác dụng lớn nhất của phương pháp chỉ số là: phân tích sự biến động của từng nhân tố.

Câu 7: Quyền số trong chỉ số và quyền số trong số bình quân chỉ khác nhau ở tác dụng.

Đáp án: Sai.

Vì:

Quyền số trong số bình quân	Quyền số trong chỉ số
+ Cách tính: Giống nhau ở cả tử số và mẫu số.	
+ Tác dụng: Số lần xuất hiện bao nhiêu  → mức độ phổ biến của từng tổ.	dụng:  tầm chỉ số tính ra có ý nghĩa kinh tế tầm chỉ số tính ra phản ánh đúng c nghiên cứu và của hiện tượng nghi
+ Chỉ tính tổng tần số, không cần xác định rõ ràng kỳ nghiên cứu hay kỳ gốc.	chọn $p_1, p_0$ hay $q_1, q_0$ khác nhau.  luôn coi trọng quyền số đó gắn v quyền số hoàn toàn khác nhau)

Câu 8: Khi dùng phương pháp chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho giá cả thì quyền số của chỉ số đó là lượng hàng hóa tiêu thụ kỳ nghiên cứu.

Đáp án: Chưa đủ.

Vì: Khi dùng phương pháp chỉ số bình quân để tính chỉ số phát triển cho giá cả ( $I_p$ ) thì quyền số của chỉ số đó là lượng hàng hóa tiêu thụ kỳ nghiên cứu ( $p_1q_1$ ); hoặc tỷ trọng từng bộ phận của kỳ nghiên cứu ( $d_1$ ).

Câu 9: Trong chỉ số không gian, chỉ số toàn bộ bằng tích các chỉ số bộ phận.

Đáp án: Sai.

Vì: Chọn quyền số khác nhau:  $I_p = \frac{\sum p_A Q}{\sum p_B Q}$ ;  $I_q = \frac{\sum \bar{p} q_A}{\sum \bar{p} q_B}$

$$\rightarrow I_{pq} \neq I_p I_q$$

Câu 10: Trong chỉ số kế hoạch, chỉ số toàn bộ bằng tích các chỉ số bộ phận.

Đáp án: Đúng.

Vì:  $I_z = I_{zNVKH} \times I_{zTHKH}$  ;

$$I_q = I_{qNVKH} \times I_{qTHKH}$$

Câu 11: Khi tính chỉ số giá cả giữa hai thị trường A và B, ta sử dụng quyền số là tổng khối lượng hàng hóa tiêu thụ ở cả hai thị trường cho từng mặt hàng.

Đáp án: Đúng.

Vì:  $I_p = \frac{\sum p_A Q}{\sum p_B Q}$  ( $Q = q_A + q_B$ )

Câu 12: Nếu tính chỉ số không gian cho khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên hai thị trường A và B thì quyền số chỉ có thể là giá cố định của từng mặt hàng do Nhà nước quy định.

Đáp án: Sai.

Vì: + Quyền số là số cố định ( $p_n$ ):

$$I_{q(A/B)} = \frac{\sum q_A p_n}{\sum q_B p_n}$$

+ Quyền số là giá cả bình quân từng mặt hàng:

$$\bar{p} = \frac{p_A q_A + p_B q_B}{q_A + q_B} \quad ; \quad I_{q(A/B)} = \frac{\sum \bar{p} q_A}{\sum \bar{p} q_B}$$

Tương tự câu 12 ta có câu 13 và 14:

Câu 13: Nếu tính chỉ số không gian cho khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên hai thị trường A và B thì quyền số có thể là giá cố định của từng mặt hàng do Nhà nước quy định.

Đáp án: Đúng.

Câu 14: Nếu tính chỉ số không gian cho khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên hai thị trường A và B thì quyền số là giá cố định của từng mặt hàng do Nhà nước quy định.

Đáp án: Chưa đủ.

Câu 15: Chỉ số cấu thành khả biến nghiên cứu đồng thời biến động của bản thân tiêu thức nghiên cứu và kết cấu của tổng thể đến biến động của chỉ tiêu bình quân.

Đáp án: Đúng.

$$\text{Vì: } \frac{\frac{\sum x_1 f_1}{\sum f_1}}{\frac{\sum x_0 f_0}{\sum f_0}} = \frac{\frac{\sum x_1 f_1}{\sum f_1}}{\frac{\sum x_0 f_1}{\sum f_1}} \times \frac{\frac{\sum x_0 f_1}{\sum f_1}}{\frac{\sum x_0 f_0}{\sum f_0}}$$

Câu 16: Chỉ số cấu thành cố định phản ánh biến động của tổng lượng biến tiêu thức đến biến động của chỉ tiêu bình quân.

Đáp án: Sai.

$$\text{Vì: } I_x = \frac{\frac{\sum x_1 f_1}{\sum f_1}}{\frac{\sum x_0 f_1}{\sum f_1}} = \frac{\bar{x}_1}{\bar{x}_{01}}$$

Chỉ số cấu thành cố định phản ánh biến động của bản thân tiêu thức đến biến động của chỉ tiêu bình quân.

Câu 17: Có nhiều mô hình chỉ số khác nhau phân tích biến động của tổng lượng biến tiêu thức.

Đáp án: Đúng.

Vì: Nghiên cứu biến động của tổng lượng biến tiêu thức có ít nhất là hai mô hình.

Ví dụ: Nghiên cứu tổng CFSX:

$$\sum CFSX = \sum (\text{giá thành} \times \text{sản lượng})$$



$$\sum CFSX = \text{Giá thành BQ} \times \sum \text{Sản lượng}.$$